

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH004028**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Côn trùng nông nghiệp**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163492	Nguyễn Phát Đạt	19/09/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2356201163493	Phùng Tấn Đạt	21/01/2008					7	7.0	6.5	7.0	7.5		8.5		7.9
3	2356201163494	Võ Thị Huỳnh Giao	16/10/2008					8.5	8.0	8.5	9.0	8.0		10.0		9.4
4	2356201163495	Mạch Văn Hào	20/04/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2356201163497	Trần Quốc Khải	20/09/2008					6	5.0	6.0	5.0	0.0		0.0	0.0	1.7
6	2356201163498	Nguyễn Phan Đăng Khoa	07/12/2008					7.5	7.5	8.0	8.0	7.5		10.0		9.1
7	2356201163499	Tăng Trung Kiên	20/06/2008					8	8.0	8.0	7.5	8.0		10.0		9.2
8	2356201163500	Trần Quốc Kiệt	23/01/2008					8	8.0	8.5	9.0	8.0		10.0		9.3
9	2356201163502	Dương Văn Linh	05/05/2008					7	7.0	7.5	7.0	7.0		6.0		6.4
10	2356201163503	Lương Hồng Lĩnh	21/08/2008					8	7.0	7.0	7.5	7.5		10.0		8.9
11	2356201163504	Nguyễn Phước Lộc	25/10/2008					6	6.0	7.0	8.0	8.0		10.0		8.8
12	2356201163506	Phan Tấn Nghiệp	07/11/2008					8.5	8.5	9.0	8.0	8.0		10.0		9.4
13	2356201163508	Trần Thị Yên Nhi	07/05/2007					8.5	9.0	8.5	8.0	8.0		10.0		9.4
14	2356201163509	Nguyễn Thị Như	07/09/2008					8.5	8.0	8.5	9.0	8.0		10.0		9.4
15	2356201163512	Nguyễn Cao Thái	03/10/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2356201163513	Phạm Văn Thảo	04/10/2008					8	8.0	7.0	7.5	8.0		10.0		9.1
17	2356201163514	Nguyễn Hoàn Thiện	30/08/2008					7	7.0	6.5	6.0	7.5		10.0		8.7
18	2356201163515	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/06/2008					8.5	8.0	8.5	9.0	8.0		10.0		9.4
19	2356201163516	Nguyễn Văn Tình	23/06/2008					6	6.0	7.0	8.0	8.0		10.0		8.8
20	2356201163517	Hà Thị Bảo Trâm	29/08/2008					6	6.0	5.0	6.0	5.0		10.0		8.2
21	2356201163519	Nguyễn Lâm Vũ	12/05/2008					7	6.5	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8

Châu Đốc, ngày 6 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quốc Trinh